

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày 29 - 01 - 2024
V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Bà Ngô Hồng Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 801/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 472/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim G, sinh năm 1997.

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C. (ông Đ có mặt, bà Tươi vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2023 trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Kim G trình bày: Ngày 09/6/2022 chị có mở hui 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, hui gồm có 32 chung, bà T và ông Đ tham gia 01 chung. Sau khi tham gia hui được 01 kỳ bà T và ông Đ bỏ hót được số tiền 99.000.000 đồng. Sau khi hót hui bà T và ông Đ đóng được 10 kỳ ngưng đến nay. Hiện ông T và ông Đ còn nợ số tiền 20 kỳ x 5.000.000 đồng = 100.000.000 đồng.

Nay, chị G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ trả cho chị Giang 100.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Phạm Văn Đ trình bày: Ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà G buộc ông, bà T trả 100.000.000 đồng tiền nợ hui vì ông với bà T trước đây là vợ chồng và đăng ký kết hôn tại xã Y, huyện Y, tỉnh N. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân từ tháng 6/2021. Đến ngày 22/8/2022 vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 151/2022/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Đ. Sau khi ly hôn bà T bỏ nhà đi nơi khác ông không biết địa chỉ cụ thể.

Đối với việc chơi hui giữa bà T với bà G ông không biết và không tham gia. Ông không nghe bà T và bà G nói về việc chơi hui, ông cũng không tham gia bỏ hui hay nhận tiền hót hui của bà G, nên bà G cho rằng ông tham gia hui là không có căn cứ.

Việc bà T có tham gia hui của bà G hay không ông không biết và khi hót hui bà T không đưa tiền về cho gia đình vì thời điểm này ông với bà T đã ly thân, không nói chuyện với nhau. Khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa ông với bà T, bà T không kê khai khoản nợ tiền hui 100.000.000 đồng của bà G. Từ đó, ông không biết và không chịu trách nhiệm về khoản nợ hui.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T theo quy định pháp luật, nhưng bà T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà T bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bà T vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị G khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn Đ trả tiền hui còn nợ. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét chị G yêu cầu bà T trả số tiền hui 100.000.000 đồng; ông Đ cho rằng ông không có liên quan đến việc chơi hui của bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng, vào ngày 09/6/2022 chị G có mở dây hui loại 5.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, hui gồm 32 chung, đến kỳ mở hui thứ hai bà T bỏ hui số tiền 1.750.000 đồng, hót được tổng số tiền 99.000.000 đồng. Sau khi hót hui bà T đóng lại được 10 lần và từ đó đến nay bà T không tiếp tục đóng hui cho chị G. Ngoài ra, chị G cung cấp giấy xác nhận bà T hót hui và giấy giao tiền hui ngày 15/7/2022 cho chữ ký của bà Nguyễn Thị T. Cũng như, tại điểm c khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định trách nhiệm của thành viên tham gia phần hoi (hui): "...c) Tiếp tục góp các phần hoi để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hoi trong trường hợp đã lĩnh hoi trước thành viên khác..."; Trường hợp đến kỳ mở hoi mà có thành viên không góp phần hoi hoặc góp phần hoi không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ hoi như sau: "1. Hoàn trả số tiền mà chủ hoi đã góp thay cho thành viên". Theo quy định trên cho thấy, bà T đã vi

phạm nghĩa nộp hui cho chủ hui. Hơn nữa, theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định “...*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...*”. Vì vậy dẫn theo các quy định trên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng bà T không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của chị G nên bà T phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

[4] Đối với yêu cầu của chị G buộc bà T và ông Đ liên đới cùng trả nợ. Xét thấy, ông Đ cung cấp Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 151/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2022 được Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh C giải quyết về việc thuận tình ly hôn giữa bà T và ông Đ. Tuy nhiên, tại thời điểm bà T tham gia hui của chị G ngày 09/6/2022 và ngày chị G giao tiền hui cho bà T ngày 15/7/2022, bà T và ông Đ vẫn tồn tại mối quan hệ vợ chồng, cùng sinh sống chung một nhà. Ngoài ra, theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “1. *Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 ... 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.*”; theo khoản 1 Điều 30 quy định “*Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình...*”. Hơn nữa, việc chơi hui trong cộng đồng dân cư nhằm mục đích giúp đỡ lẫn nhau để phát triển kinh tế gia đình, cũng như thu nhập hợp pháp của vợ hoặc chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 288 Bộ luật Dân sự buộc T và ông Đ phải có trách nhiệm liên đới trả tiền hui cho chị G .

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giang. Buộc bà T và ông Đ trả cho chị G tiền hui còn nợ 100.000.000 đồng. Hiện bà T và ông Đ đã được Tòa án giải quyết ly hôn theo Quyết định số 151/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ nên buộc ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị T mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị G số tiền 50.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo qui định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Do đó, buộc bà T và ông Đ mỗi người phải chịu án phí số tiền 2.500.000 đồng trong tổng án phí 5.000.000 đồng. (100.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 471, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 09/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phùng.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim G.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho chị Nguyễn Kim G số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Buộc ông Phạm Văn Đ trả cho chị Nguyễn Kim G số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Kim G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị G 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000320 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Phạm Minh Đ phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam

